

Số: 278 /BC-UBND

Bình Dương, ngày 13 tháng 11 năm 2018

**BÁO CÁO**

**Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021**

**THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**NĂM 2018**

**1. Thu ngân sách Nhà nước:**

Tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế - xã hội ước 50.000 tỷ đồng, đạt 96% dự toán Thủ tướng Chính phủ (TTCP) giao và 95% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 9% so với thực hiện năm 2017. Trong đó:

- Thu nội địa: 36.000 tỷ đồng, đạt 91% dự toán TTCP giao và dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 10% so với thực hiện năm 2017.

- Thu từ lĩnh vực xuất, nhập khẩu: 14.000 tỷ đồng, đạt 109% dự toán TTCP giao và 108% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 4% so với thực hiện năm 2017.

Năm 2018, tình hình kinh tế của địa phương tiếp tục ổn định và phát triển, các doanh nghiệp không ngừng nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh, thị trường bất động sản những tháng đầu năm sôi động, các chính sách liên quan đến nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tác động tích cực đến nguồn thu từ đất và thuế thu nhập cá nhân,... đã làm cho thu ngân sách nhà nước năm 2018 ước tăng khá so với thực hiện năm 2017 (tổng thu ước tăng 9%, trong đó thu nội địa ước tăng 10% so với năm 2017). Tuy nhiên, do dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2018 Trung ương giao quá cao so với năm trước và khả năng thực hiện của địa phương (so với số thực hiện năm 2017, tổng thu mới tăng 14%, riêng thu nội địa tăng 21%) là nguyên nhân chính dẫn đến tổng thu ngân sách nhà nước từ kinh tế xã hội năm 2018 trên địa bàn không hoàn thành dự toán được giao.

**2. Chi ngân sách địa phương (NSDP)<sup>1</sup>:**

Tổng chi NSDP 17.550,4 tỷ đồng<sup>2</sup>, đạt 100% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 16% so với thực hiện năm 2017, trong đó:

**a) Chi cân đối NSDP:**

Tổng chi 17.511 tỷ đồng<sup>3</sup>, đạt 100% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 17% so với thực hiện năm 2017. Gồm:

- Chi đầu tư phát triển 7.061 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư XD CB 7.011 tỷ đồng, đạt 100% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 8% so với thực hiện năm 2017.

<sup>1</sup> Số liệu dự toán HĐND giao và số ước thực hiện năm 2018 đã bao gồm số chuyển nguồn vốn đầu tư XD CB thuộc kế hoạch năm 2017 chuyển sang bố trí bổ sung vào kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 là 511 tỷ đồng.

<sup>2</sup> Bao gồm số chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (nguồn vốn chính quyền địa phương vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ) 39,4 tỷ đồng.

<sup>3</sup> Bao gồm cả thực chi năm 2018 và chuyển nguồn sang năm 2019 thực hiện.

- Chi thường xuyên 10.450 tỷ đồng, đạt 107% dự toán HĐND tỉnh thông qua, tăng 25% so với thực hiện năm 2017.

b) Chi từ nguồn bội chi NSDP (nguồn vốn tỉnh vay lại từ nguồn vốn nước ngoài do Chính phủ vay): 39,4 tỷ đồng.

## **B. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2019-2021**

### **I. Dự báo tình hình kinh tế - xã hội**

Giai đoạn 2019-2021, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, nền kinh tế nước ta dự báo tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro, dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2018 và 2019 có xu hướng thấp hơn dự kiến trước đây. Ở trong nước, tình hình kinh tế - xã hội chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn những hạn chế, tồn tại nhất định; trong đó năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp, hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ,... Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức, thông minh dẫn tới những bất lợi cho các nước có lao động kỹ năng thấp, không nắm bắt được công nghệ; mặc dù các tổ chức quốc tế đánh giá tích cực, Ngân hàng Thế giới đã điều chỉnh tăng dự báo về tăng trưởng kinh tế năm 2018, năm 2019, nhưng xu hướng chung, các tổ chức quốc tế đánh giá tốc độ tăng trưởng của nước ta chậm lại.

Đối với tỉnh Bình Dương, mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 và giai đoạn 2019 – 2021 là bảo đảm tăng trưởng ổn định và bền vững (GRDP tăng bình quân 8,4 - 8,6%); tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ; chú trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển đô thị - dịch vụ làm tiền đề để xây dựng Bình Dương trở thành đô thị loại I góp phần hoàn thành mục tiêu cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng thành phố thông minh Bình Dương. Tiếp tục phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch và năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế.

### **II. Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước giai đoạn 2019-2021**

#### **1. Mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu**

Phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu – chi, cân đối ngân sách đã được Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh giao.

Chủ động điều hành ngân sách đảm bảo cân đối ngân sách, đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ chính sách và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 đã đề ra và đảm bảo đủ nguồn lực đáp ứng nhu cầu chi từ năm 2021 theo các Nghị quyết, chiến lược, quy hoạch, các đề án, dự án,... của Trung ương và địa phương<sup>4</sup>. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng dần tỷ trọng chi đầu tư

---

<sup>4</sup> Như đảm bảo dành đủ nguồn CCTL để thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ

phát triển trên tổng chi ngân sách nhà nước, góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

Thực hiện các định hướng về tài chính và ngân sách theo Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09/11/2016 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020.

Đảm bảo tốc độ tăng trưởng thu ngân sách (bao gồm cả thu nội địa và thu từ lĩnh vực xuất nhập khẩu) phù hợp với tốc độ tăng thu bình quân cả nước theo quy định của Trung ương vừa có tính toán phù hợp với quy mô số thu và tình hình thực tế của tỉnh.

## **2. Kế hoạch thu ngân sách nhà nước.**

### **a) Thu nội địa:**

Tổng thu nội địa: năm 2019 Trung ương giao dự toán thu nội địa cho tỉnh là 39.957 tỷ đồng<sup>5</sup>, tăng 1% so với dự toán năm 2018 và tăng 11% so với ước thực hiện năm 2018. Với tình hình kinh tế - xã hội thuận lợi và còn nhiều khó khăn khó lường như trên, đồng thời căn cứ dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) trên địa bàn, chỉ số giá, quy mô nền kinh tế, tình hình thực tế thu NSNN qua các năm, tính ổn định trong nguồn thu xố số kiến thiết, tính không ổn định của thị trường bất động sản và các yếu tố khác, UBND tỉnh dự kiến tốc độ tăng thu nội địa bình quân 02 năm 2020, 2021 là 10%/năm: đạt 43.800 tỷ đồng vào năm 2020 và 48.000 tỷ đồng vào năm 2021.

*(Chi tiết theo biểu đính kèm)*

### **b) Thu từ lĩnh vực xuất nhập khẩu:**

Với dự báo tình hình kinh tế - xã hội ngày càng phát triển thì kim ngạch xuất nhập khẩu trong giai đoạn tiếp theo sẽ tăng. Tuy nhiên, với việc triển khai và thực hiện điều chỉnh các chính sách thuế đối với lĩnh vực xuất nhập khẩu, thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế, như Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan (CEPT), các Hiệp định song phương Asean – Hàn Quốc; Asean – Trung Quốc; Asean – Nhật Bản;..., các cam kết quốc tế như GATT, WTO, CPTPP,... có thể sẽ làm ảnh hưởng tốc độ tăng thu xuất nhập khẩu trên địa bàn thời gian tới.

Dự toán năm 2019, Trung ương giao thu hoạt động xuất nhập khẩu cho tỉnh là 14.460 tỷ đồng<sup>6</sup> tăng 5% so với ước thực hiện năm 2018. Căn cứ theo các điều kiện thuận lợi và khó khăn trong thời gian tới, tỉnh dự kiến tốc độ tăng thu bình quân đối với lĩnh vực này trong 02 năm 2020, 2021 là 5%/năm đảm bảo quy định của Trung ương (tăng tối thiểu 5-7%/năm) và đạt 15.200 tỷ đồng vào năm 2020, đạt 16.000 tỷ đồng vào năm 2021.

## **3. Kế hoạch chi ngân sách địa phương:**

a) Năm 2019: Tổng chi NSDP 20.239 tỷ đồng tăng 15% so với dự toán năm 2018, tăng 11% so với dự toán TTCP giao, trong đó:

---

trạng và người lao động trong doanh nghiệp hoặc nguồn trả nợ gốc đối với khoản vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ (đến hạn trả từ năm 2021),...

<sup>5</sup> UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao dự toán thu nội địa năm 2019 là 40.000 tỷ đồng.

<sup>6</sup> UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao dự toán thu từ lĩnh vực XNK năm 2019 là 14.500 tỷ đồng.

- Tổng chi cân đối NSDP là 19.000 tỷ đồng, tăng 9% so với dự toán năm 2018, tăng 11% so với dự toán TTCP giao, cơ cấu chi được bố trí như sau:

+ Chi đầu tư phát triển 7.650 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 40,3% tổng chi NSDP, trong đó chi đầu tư XD CB: 7.500 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 39,5% so với tổng chi cân đối NSDP, tăng 7% so với dự toán năm 2018.

+ Chi thường xuyên 10.645 tỷ đồng, tăng 9% so với dự toán năm 2018.

+ Chi trả nợ lãi vay: 55 tỷ đồng.

+ Dự phòng bố trí 650 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 3,4% tổng chi cân đối NSDP.

- Chi từ nguồn bội chi NSDP (nguồn vốn tỉnh vay lại từ nguồn vốn nước ngoài do Chính phủ vay): 1.193 tỷ đồng<sup>7</sup>.

b) Năm 2020: tổng chi NSDP là 21.394 tỷ đồng, tăng 6% so với dự toán năm 2019, bao gồm:

- Tổng chi cân đối NSDP là 20.500 tỷ đồng, tăng 8% so với dự toán năm 2019, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển 8.850 tỷ đồng, tăng 16% so với dự toán năm 2019, chiếm tỷ trọng 43% tổng chi cân đối NSDP, trong đó: chi đầu tư XD CB 8.500 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 41,5% tổng chi cân đối NSDP.

+ Chi thường xuyên: 10.815 tỷ đồng, tăng 2% so với dự toán năm 2019.

+ Chi trả nợ lãi vay: 135 tỷ đồng.

+ Dự phòng bố trí 700 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,4% tổng chi cân đối NSDP.

- Chi từ nguồn bội chi NSDP (nguồn vốn tỉnh vay lại từ nguồn vốn nước ngoài do Chính phủ vay): 846 tỷ đồng<sup>8</sup>.

c) Năm 2021: tổng chi NSDP là 22.860 tỷ đồng, tăng 7% so với kế hoạch năm 2020, bao gồm:

- Tổng chi cân đối NSDP là 22.000 tỷ đồng, tăng 7% so với kế hoạch năm 2020, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển 9.700 tỷ đồng, tăng 10% so với kế hoạch năm 2020, chiếm tỷ trọng 44% tổng chi cân đối NSDP, trong đó: chi đầu tư XD CB 9.500 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 43% tổng chi cân đối NSDP.

+ Chi thường xuyên: 11.281 tỷ đồng, tăng 4% so với kế hoạch năm 2020.

+ Chi trả nợ lãi vay: 209 tỷ đồng.

+ Dự phòng bố trí 810 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 3,7% tổng chi cân đối NSDP

- Chi từ nguồn bội chi NSDP (nguồn vốn tỉnh vay lại từ nguồn vốn nước ngoài do Chính phủ vay): 759 tỷ đồng.

---

<sup>7</sup> Trong tổng số chi nêu trên đã bao gồm 460,4 tỷ đồng để hoàn trả nguồn tạm ứng trong năm 2018 của ngân sách tỉnh.

<sup>8</sup> Dự kiến bố trí cho 02 dự án là: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An và Cải tạo hạ tầng giao thông công cộng tại tỉnh Bình Dương.

- Chi trả nợ gốc vốn vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ: 51 tỷ đồng<sup>9</sup>.

### **3. Cân đối thu, chi NSDP:**

Với dự kiến kế hoạch thu, chi như trên thì tình hình cân đối NSDP như sau:

- Năm 2019: tổng thu NSDP được hưởng (loại trừ dành nguồn CCTL) 17.083 tỷ đồng, trong khi nhu cầu chi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm 2019 là rất lớn, để đáp ứng nhu cầu chi tỉnh phải huy động nguồn kết dư từ các năm trước chuyển sang (bao gồm cả nguồn CCTL) 2.118 tỷ đồng (trong đó: kết dư cấp tỉnh 1.839 tỷ đồng, kết dư khối huyện 279 tỷ đồng).

- Năm 2020: với nguồn thu nội địa dự kiến tăng 10% là phù hợp với khả năng thực hiện của tỉnh, sau khi giữ nguồn cho nhu cầu CCTL thì nguồn thu được để lại cho NSDP cũng không đủ để cân đối cho nhu cầu chi cần thiết, bức xúc. Do vậy, tỉnh cần phải huy động nguồn kết dư từ các năm trước chuyển sang (bao gồm cả nguồn CCTL) 1.843 tỷ đồng (trong đó: kết dư cấp tỉnh 1.571 tỷ đồng, kết dư khối huyện 272 tỷ đồng).

- Năm 2021: đây là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2021-2025, theo quy định của Luật NSNN có thể sẽ giảm tỷ lệ điều tiết được để lại cho NSDP đối với các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP. Với số kế hoạch chi NSDP năm 2021 như trên, trong điều kiện giả định tỷ lệ điều tiết được để lại cho NSDP bằng với tỷ lệ hiện tại là 36% thì tổng thu NSDP vẫn không đủ để bố trí cho nhu cầu chi, phải huy động kết dư ngân sách (bao gồm nguồn CCTL) 2.029 tỷ đồng vào để cân đối thu, chi ngân sách, bao gồm: kết dư cấp tỉnh 1.767 tỷ đồng, kết dư khối huyện 262 tỷ đồng.

Mặc dù, hàng năm tỉnh đều phải huy động nguồn CCTL trong kết dư ngân sách để cân đối NSDP trong 03 năm 2019-2021, tuy nhiên do khi xây dựng dự toán vào đầu hàng năm tỉnh đều có dành nguồn CCTL, do vậy sang kế hoạch năm tiếp theo, trong điều kiện kinh tế ổn định và phát triển, thực hiện đạt dự toán thu được giao thì vẫn có nguồn CCTL của năm trước để cân đối thu, chi NSDP năm sau.

### **III. Các giải pháp thực hiện**

- Tổ chức thực hiện tốt các luật thuế, phí và lệ phí; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về thuế; tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển; tạo chuyển biến rõ nét trong việc chống thất thu, xử lý và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế xuống dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.

- Tập trung theo dõi và dự báo tình hình kinh tế, đầu tư, tình hình phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh. Đồng thời kịp thời đánh giá những tác động đến số thu ngân sách do thực hiện các Luật thuế, Luật phí, lệ phí để kịp thời điều chỉnh đảm bảo cân đối ngân sách.

---

<sup>9</sup> Năm 2021 ngân sách tỉnh bắt đầu phát sinh chi trả nợ gốc của dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An.

- Cơ cấu lại chi NSNN theo hướng tăng dần tỷ trọng chi cho đầu tư phát triển nhằm từng bước hoàn thiện hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu thu hút đầu tư và phục vụ đời sống người dân ngày càng tốt hơn; tập trung vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho các công trình, dự án trọng điểm, cấp bách, mang tính động lực, tạo sức hút để tiếp tục huy động các nguồn lực ngoài ngân sách tham gia.

- Tập trung đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai dự án, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thanh toán và quyết toán vốn đầu tư, đảm bảo việc sử dụng vốn ngân sách có hiệu quả.

- Tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên của từng sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các địa phương; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định. Tiếp tục cải cách hành chính và mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin đi đôi với tăng cường giám sát trong quản lý thu, chi ngân sách nhà nước. Chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách nhà nước khi thật sự cần thiết và có nguồn bảo đảm. Thực hiện nghiêm Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đẩy nhanh việc thực hiện đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy nhanh lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công chuyên từ cơ chế nhà nước hỗ trợ kinh phí sang cơ chế đặt hàng; trên cơ sở đó, thực hiện cơ cấu lại ngân sách trong từng lĩnh vực, giảm hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập, dành nguồn để tăng chi an sinh – xã hội, đầu tư phát triển.

- UBND các cấp tăng cường công tác theo dõi, đánh giá và dự báo thu chi ngân sách, trên cơ sở số thực thu vào ngân sách để bố trí giải ngân nhiệm vụ chi, trường hợp tiến độ thu ngân sách chưa đạt kế hoạch phải chủ động điều chỉnh ngay nhiệm vụ chi để đảm bảo cân đối ngân sách, trong đó ưu tiên cho các nhiệm vụ chi lương và đảm bảo an sinh xã hội.

- Đặc biệt, năm 2021 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới 2021-2025, do vậy ngay từ cuối năm 2019 và các tháng đầu năm 2020, tỉnh phải tập trung chuẩn bị các nội dung trọng tâm sau:

+ Xây dựng báo cáo ước thực hiện thu, chi ngân sách năm 2020, dự toán năm 2021 gửi Bộ Tài chính, đồng thời chuẩn bị đầy đủ cơ sở để làm việc với Bộ Tài chính bảo vệ dự toán thu, chi ngân sách năm 2021; tỷ lệ điều tiết NSDP trong năm 2021 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2021-2025 với mục tiêu: phấn đấu đạt được tỷ lệ điều tiết thuận lợi nhất dành cho NSDP.

+ Xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm địa phương; kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương giai đoạn 2021-2025; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên và phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi năm 2021, giai đoạn ổn định ngân sách 2021-2025 trình HĐND tỉnh thông qua.

Trên đây là Báo cáo Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021 được xây dựng trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2018 và các năm trước, tình hình kinh tế phát triển, thu – chi ngân sách không biến động lớn và tỷ lệ điều tiết để lại cho NSDP của năm 2021 (năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2021-2025) vẫn giữ

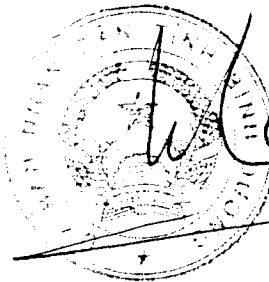
được theo tỷ lệ điều tiết của giai đoạn hiện tại là 36%. UBND tỉnh xây dựng, báo cáo HĐND tỉnh để tham khảo khi thảo luận, xem xét, thông qua dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách địa phương hằng năm./.

(Đính kèm các biểu mẫu theo Nghị định số 31/2015/NĐ-CP của Chính phủ)./.

**Nơi nhận:**

- TT.Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, TT.HĐND;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- CT, PCT và các thành viên UBND tỉnh;
- Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP.TDM;
- LĐVP, Tạo, CV, Tấn, HCTC, TH;
- Lưu: VT. *VT* *4-8*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**



*Trần Thanh Liêm*

**DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2019-2021**

(Kèm theo Báo cáo số 278 /BC-UBND ngày 13 /11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	So sánh		Dự toán ngân sách năm 2019	Dự kiến ngân sách năm 2020	Dự kiến ngân sách năm 2021
				Tuyệt đối	Tương đối			
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1	5	6	7
A	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	17,834,956	18,872,492	1,037,536	106%	19,201,297	21,148,408	22,951,102
	<i>Tổng nguồn thu cân đối NSDP (I+IV+V+VI+VII)</i>	17,834,956	18,872,492	1,037,536	106%	19,201,297	21,148,408	22,951,102
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	17,894,366	17,519,789	-374,577	98%	18,548,616	20,016,629	21,727,091
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên							
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính							
IV	Thu kết dư					2,117,736	1,843,285	2,029,242
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	510,956	2,665,462	2,154,506	522%			
VI	Số giảm nguồn thu NSDP được đưa vào cân đối thu - chi do Trung ương giao phải để dành nguồn CCTL	-1,312,759	-1,312,759	0	100%	-1,465,055	-711,506	-805,231
VII	Bổ sung cân đối thu, chi NSDP từ nguồn CCTL năm 2018	742,393						
B	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	17,550,356	17,550,356	0	100%	20,239,040	21,393,644	22,859,942
I	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	17,510,956	17,510,956	0	100%	19,000,000	20,500,000	22,000,000
1	Chi đầu tư phát triển	7,061,323	7,061,211	-112	100%	7,650,020	8,850,000	9,700,000
2	Chi thường xuyên	9,809,633	10,449,745	640,112	107%	10,645,080	10,815,203	11,281,461
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay					54,900	134,797	208,539
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính							
5	Dự phòng ngân sách	640,000		-640,000	0%	650,000	700,000	810,000
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương							
II	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>							



STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	So sánh		Dự toán ngân sách năm 2019	Dự kiến ngân sách năm 2020	Dự kiến ngân sách năm 2021
				Tuyệt đối	Tương đối			
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1	5	6	7
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau							
IV	Chi từ nguồn bội chi NSDP (nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính Phủ)	39,400	39,400			1,193,200	845,512	758,608
V	Chi an toàn giao thông từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu					45,840	48,132	50,539
VI	Chi trả nợ gốc vốn vay nước ngoài							50,795
D	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (Tổng nguồn thu cân đối NSDP - Tổng chi cân đối NSDP)	324,000	1,361,536	1,037,536	420%	201,297	648,408	951,102
E	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP							
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP			0				
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)	151,834	151,834	0		191,234	1,384,393	2,229,905
III	Trả nợ gốc vay của NSDP	0	0	0		0	0	50,795
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			0				
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh			0				50,795
IV	Tổng mức vay của NSDP							
1	Vay để bù đắp bội chi	39,400	39,400	0		1,193,200	845,512	758,608
2	Vay để trả nợ gốc							
3	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)	191,234	191,234	0		1,384,434	2,229,905	2,937,718

Ghi chú: Tổng thu NSDP và tổng chi NSDP không bao gồm ghi thu, ghi chi bổ sung từ ngân sách cấp trên

**DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2019-2021**

(Kèm theo Báo cáo số 278/BC-UBND, ngày 13/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán ngân sách năm 2019	So sánh	Dự kiến ngân sách năm 2020	Dự kiến ngân sách năm 2021
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	<b>50,000,000</b>	<b>54,500,000</b>	<b>109%</b>	<b>59,000,000</b>	<b>64,000,000</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>36,000,000</b>	<b>40,000,000</b>	<b>111%</b>	<b>43,800,000</b>	<b>48,000,000</b>
	<i>Tốc độ tăng thu (%)</i>	<i>110%</i>	<i>111%</i>	<i>101%</i>	<i>110%</i>	<i>110%</i>
	<i>Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)</i>	<i>72%</i>	<i>73%</i>	<i>102%</i>	<i>74%</i>	<i>75%</i>
	Trong đó:					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do trung ương quản lý	1,125,000	1,134,000	101%	1,250,000	1,370,000
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	2,700,000	2,892,000	107%	3,185,000	3,500,000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10,120,000	11,700,000	116%	12,870,000	14,155,000
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	8,100,000	9,760,000	120%	10,735,000	11,810,000
5	Thuế thu nhập cá nhân	4,800,000	5,460,000	114%	6,000,000	6,600,000
6	Thuế bảo vệ môi trường	1,390,000	1,750,000	126%	2,150,000	2,500,000
7	Lệ phí trước bạ	1,140,000	1,300,000	114%	1,500,000	1,750,000
8	Thu tiền sử dụng đất	2,800,000	2,050,000	73%	2,050,000	2,100,000
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1,430,000	1,405,000	98%	1,450,000	1,500,000
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi NHNN	35,000	436,000	1246%	400,000	380,000
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>					
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	<b>14,000,000</b>	<b>14,500,000</b>	<b>104%</b>	<b>15,200,000</b>	<b>16,000,000</b>
	<i>Tốc độ tăng thu (%)</i>	<i>104%</i>	<i>104%</i>	<i>99%</i>	<i>105%</i>	<i>105%</i>
	<i>Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)</i>	<i>28%</i>	<i>27%</i>	<i>95%</i>	<i>26%</i>	<i>25%</i>
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>					

# DỰ KIẾN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN

## GIẢI ĐOẠN 03 NĂM 2019-2021

(Kèm theo Báo cáo số 278/BC-UBND ngày 13/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán ngân sách năm 2019	Dự kiến ngân sách năm 2020	Dự kiến ngân sách năm 2021
A	B	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>					
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>12,329,770</b>	<b>12,912,587</b>	<b>13,221,189</b>	<b>14,538,005</b>	<b>15,658,678</b>
	<i>Nguồn thu cân đối ngân sách (1+4+ 5+ 6+7)</i>	<b>12,329,770</b>	<b>12,912,587</b>	<b>13,221,189</b>	<b>14,538,005</b>	<b>15,658,678</b>
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	12,485,557	12,179,604	12,550,450	13,338,307	14,345,690
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	0	0	0	0
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
4	Thu kết dư			1,838,961	1,571,126	1,766,679
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	414,579	2,045,742			
6	Số giảm nguồn thu NSDP được đưa vào cân đối thu - chi do Trung ương giao phải để dành nguồn CCTL	-1,312,759	-1,312,759	-1,168,222	-371,428	-453,691
7	Bổ sung cân đối thu, chi NSDP từ nguồn CCTL năm 2018	742,393				
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>12,369,170</b>	<b>12,497,451</b>	<b>14,460,229</b>	<b>15,431,649</b>	<b>16,605,643</b>
	<i>Chi cân đối ngân sách(1+2)</i>	<b>12,329,770</b>	<b>12,458,051</b>	<b>13,221,189</b>	<b>14,538,005</b>	<b>15,745,701</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	8,936,579	9,030,666	9,718,000	11,026,737	12,225,980
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	3,393,191	3,427,385	3,503,189	3,511,268	3,519,721
	Chi bổ sung cân đối ngân sách	3,393,191	3,393,191	3,341,925	3,341,926	3,341,927
	Chi bổ sung có mục tiêu		34,194	161,264	169,342	177,794
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
4	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu					
5	Chi từ nguồn bội chi NSDP (nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính Phủ)	39,400	39,400	1,193,200	845,512	758,608
6	Chi an toàn giao thông từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu			45,840	48,132	50,539
7	Chi trả nợ gốc vốn vay nước ngoài					50,795
<b>IV</b>	<b>Bội chi NSDP/Bội thu NSDP (Tổng thu cân đối NS - Tổng chi cân đối NS)</b>	<b>0</b>	<b>454,536</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-87,023</b>
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH HUYỆN</b>					
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>8,898,377</b>	<b>9,387,290</b>	<b>9,483,297</b>	<b>10,019,436</b>	<b>10,725,122</b>
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	5,408,809	5,340,185	5,998,166	6,678,322	7,381,401
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3,393,191	3,427,385	3,503,189	3,409,033	3,432,698

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán ngân sách năm 2019	Dự kiến ngân sách năm 2020	Dự kiến ngân sách năm 2021
A	B	1	2	3	4	5
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3,393,191	3,393,191	3,341,925	3,239,706	3,254,904
	Thu bổ sung có mục tiêu		34,194	161,264	169,327	177,794
3	Thu kết dư			278,775	272,159	262,563
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	96,377	619,720			
5	Số giảm nguồn thu NSDP được đưa vào cân đối thu - chi do Trung ương giao phải để dành nguồn CCTL			-296,833	-340,078	-351,540
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách</b>	<b>8,574,377</b>	<b>8,480,290</b>	<b>9,282,000</b>	<b>9,371,028</b>	<b>9,774,020</b>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách huyện	8,574,377	8,480,290	9,282,000	9,371,028	9,774,020
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	0	0	0	0	0
	Chi bổ sung cân đối ngân sách					
	Chi bổ sung có mục tiêu					
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

**DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO CƠ CẤU CHI GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2019-2021**

(Kèm theo Báo cáo số 278/BC-UBND ngày 13/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Dự toán ngân sách năm 2019	So sánh	Dự kiến ngân sách năm 2020	Dự kiến ngân sách năm 2021
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>	<b>12,369,170</b>	<b>14,460,229</b>	<b>117%</b>	<b>15,431,649</b>	<b>16,518,620</b>
<b>A</b>	<b>CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>3,393,191</b>	<b>3,503,189</b>	<b>103%</b>	<b>3,511,268</b>	<b>3,519,721</b>
<b>I</b>	<b>Chi bổ sung cân đối ngân sách</b>	<b>3,393,191</b>	<b>3,341,925</b>	<b>98%</b>	<b>3,341,926</b>	<b>3,341,927</b>
<b>II</b>	<b>Chi bổ sung có mục tiêu</b>		<b>161,264</b>		<b>169,342</b>	<b>177,794</b>
<b>B</b>	<b>CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC</b>	<b>8,936,579</b>	<b>9,718,000</b>	<b>109%</b>	<b>11,026,737</b>	<b>12,138,957</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>5,704,946</b>	<b>6,320,020</b>	<b>111%</b>	<b>7,360,000</b>	<b>8,120,000</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	5,654,579	6,170,000	109%	7,010,000	7,920,000
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	50,367	150,020	298%	350,000	200,000
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>2,851,633</b>	<b>2,903,080</b>	<b>102%</b>	<b>3,041,940</b>	<b>3,220,418</b>
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>380,000</b>	<b>440,000</b>	<b>116%</b>	<b>490,000</b>	<b>590,000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi trả nợ lãi vay</b>		<b>54,900</b>		<b>134,797</b>	<b>208,539</b>
<b>V</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>					
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỘI CHI NSDP (NGUỒN VAY LẠI VỐN VAY NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ)</b>	<b>39,400</b>	<b>1,193,200</b>	<b>3028%</b>	<b>845,512</b>	<b>758,608</b>
<b>C</b>	<b>CHI AN TOÀN GIAO THÔNG TỪ NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU</b>		<b>45,840</b>		<b>48,132</b>	<b>50,539</b>
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC VỐN VAY NƯỚC NGOÀI</b>					<b>50,795</b>

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM 2019-2021**

(Kèm theo Báo cáo số 278 /BC-UBND ngày 13 /11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2018		Dự kiến kế hoạch đầu tư giai đoạn 2019-2021		
		Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán ngân sách năm 2019	Dự kiến ngân sách năm 2020	Dự kiến ngân sách năm 2021
A	B	1	2	3	4	5
	<b><u>TỔNG CHI ĐTPPT NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u></b>	<b><u>7,100,723</u></b>	<b><u>7,100,611</u></b>	<b><u>8,693,200</u></b>	<b><u>9,345,512</u></b>	<b><u>10,258,608</u></b>
I	Chi cân đối ngân sách	7,061,323	7,061,211	7,500,000	8,500,000	9,500,000
1	Ngân sách cấp tỉnh	5,704,946	5,704,834	6,170,000	7,010,000	7,920,000
	Vốn trong nước					
	- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	532,760	402,760	1,381,088	1,864,697	2,296,166
	- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1,516,000	1,646,000	1,405,000	1,450,000	1,500,000
	- Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức	3,656,186	3,656,074	3,383,912	3,695,303	4,123,834
2	Ngân sách huyện	1,356,377	1,356,377	1,330,000	1,490,000	1,580,000
	Vốn trong nước					
	- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất					
	- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết					
	- Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức	1,356,377	1,356,377	1,330,000	1,490,000	1,580,000
II	Chi đầu tư phát triển từ nguồn bội chi ngân sách	39,400	39,400	1,193,200	845,512	758,608
	Vốn nước ngoài (Vốn vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính Phủ)	39,400	39,400	1,193,200	845,512	758,608

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
**SỞ TÀI CHÍNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 328/STC-NS

Bình Dương, ngày 06 tháng 11 năm 2018

V/v báo cáo Kế hoạch tài  
chính – NSNN 03 năm 2019 -  
2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và Nghị định số;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Sở Tài chính dự thảo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021 theo quy định

(Đính kèm dự thảo báo cáo)

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ./.

Nơi nhận: *nh*

- Như trên;
- Lưu: VT, NS



**GIÁM ĐỐC**

Hà Văn Út